

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 04-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân : ông Sùng A Đông và ông Lý A Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* bà Lò Thị Thu- Thư ký TAND huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* ông Lò Văn Nhung– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2017/HS-ST ngày 24/11/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Văn Tr** - Tên gọi khác: không; Sinh ngày 27/9/1989 tại huyện TC, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện TC, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng, nương; Trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn M–SN 1969 và bà: Vi Thị K– SN 1967; Bị cáo có vợ là Quàng Thị X- SN1982 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền sự: không; Tiền án: không; Tạm giữ, tạm giam: không, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông Lê Đình Thu- là Luật sư cộng tác viên của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên./ có mặt

- *Bị hại:* Lù Văn D - SN 1996; nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện TC, tỉnh Điện Biên. / Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Quàng Văn T - SN 1986; nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên/ Vắng mặt.

+ Lò Thị T1 - SN 1989; nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên. /Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Lò Văn T2– SN 1988; nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên. /Vắng mặt.

+ Lò Thị D- SN 1983; nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên./ Vắng mặt

+ Lò Văn Q- SN 1982; nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên. /Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* bà Lò Thị Tinh- SN 1980; nơi cư trú: Đội 2 xã Mường Báng, huyện TC, tỉnh Điện Biên/ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/9/2017, bị cáo đi từ nhà ở Bản H, xã M ra thị trấn TC, trên đường đi bị cáo gặp Lò Văn D đi xe mô tô ra xã X, bị cáo đã đi nhờ xe D đến thôn P, xã X; đến nơi D dừng xe trước cửa quán Internet rồi vào quán chơi điện tử. Bị cáo biết xe mô tô của D không cần chìa khóa để khởi động nổ máy nên đã nảy sinh ý định trộm cắp xe để đi ra thị trấn TC. Đến 9 giờ 30 phút cùng ngày khi quan sát không thấy D để ý bị cáo đã ngồi lên xe và thả trôi dốc về hướng thị trấn TC, khi thả trôi được 50 mét bị cáo đạp nổ máy xe và đi thẳng về thị trấn TC. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 07/9/2017, bị cáo gặp Lò Văn Q tại Tổ dân phố C, thị trấn TC, bị cáo có hỏi để cầm cố chiếc xe mô tô lấy tiền nhưng Q không đồng ý do không có tiền, Q đã đưa bị cáo đến nhà Quàng Văn T và bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô cho T lấy 100.000đ, sau khi nhận tiền bị cáo đã lấy 50.000đ để mua heroin và đã sử dụng hết, số tiền còn lại bị cáo mua đồ ăn, nước uống hết. Đến khoảng 12 giờ ngày 08/9/2017 bị cáo gặp Lò Văn T2 tại khu vực chợ trung tâm thị trấn, T2 rủ bị cáo đi xuống Hà Nội đi làm thuê, bị cáo đã đồng ý. Đến 14 giờ cùng ngày bị cáo lên xe khách và đi Hà Nội. Đến ngày 21/9/2017 bị cáo từ Hà Nội về đến TC, cơ quan điều tra đã triệu tập và lấy lời khai làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo.

Người bị hại Lò Văn D sau khi phát hiện mất chiếc xe mô tô, ngày 06/9/2017 đã có đơn trình báo với Đoàn Công an T, đồng thời giao nộp giấy tờ đăng ký chiếc xe mô tô mang tên Nguyễn Xuân N. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô là vật chứng của vụ án nhãn hiệu KAISER, màu sơn đen, biển kiểm soát 27F8-7523 do Lò Văn T2 giao nộp ngày 13/9/2017.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 15/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TC đã kết luận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu KAISER, màu sơn đen, số khung 007493, số máy 007493, biển kiểm soát 27F8-7523, xe cũ đã qua sử dụng, có giá thị trường tại thời điểm tháng 9/2017 là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra người bị hại Lò Văn D có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt; về nguồn gốc xe, cơ quan điều tra đã làm rõ chiếc xe mô tô trên người bị hại được anh trai là Lò Văn D mua lại của cửa hàng kinh doanh xe máy cũ Ngô Kim Liên tại thành phố Đ và đã cho người bị hại. Quá trình Điều tra người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường vấn đề gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Quảng Văn T khai đã nhận cầm cố xe mô tô của bị cáo và không biết chiếc xe mô tô là do bị cáo trộm cắp mà có và anh Quảng Văn T không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo.

Bản cáo trạng số 19/QĐ-VKS-HS ngày 24/11/2017 của VKSND huyện TC đã truy tố bị cáo Quảng Văn Tr về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của BLHS. Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện TC giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h,p khoản 1 Điều 46 của BLHS, xử phạt bị cáo Quảng Văn Tr từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, không buộc bị cáo phải bồi thường dân sự do người bị hại không yêu cầu; Về vật chứng đề nghị trả lại 01 chiếc xe mô tô và 01 giấy đăng ký xe cho người bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét về nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo phạm tội do bột phát, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, giá trị tài sản phạm tội không lớn, quá trình điều tra truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, đề nghị HĐXX áp dụng điểm h, p khoản 1 điều 46; điều 47; khoản 1 điều 60 của BLHS năm 1999 cho bị cáo được hưởng mức án thấp của khung hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên ý kiến như lời khai tại cơ quan điều tra và không có ý kiến tranh luận gì sau khi nghe luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, xét sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 của BLTTHS năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Qua lời khai của Bị cáo và các chứng cứ được làm rõ tại phiên tòa đã xác định được: Bị cáo Quảng Văn Tr vì muốn có tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, nên vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 05/09/2017, khi thấy người bị hại không để ý trông giữ tài sản, bị cáo đã lấy 01 chiếc xe mô tô trị giá 3.000.000đ của anh Lù Văn D tại khu vực thôn Pàng Dê B, xã Xá Nhè, huyện TC và bị cáo đã cầm cố cho anh

Quảng Văn T tại tổ dân phố C, thị trấn TC lấy 100.000đ, số tiền cầm cố chiếc xe bị cáo đã sử dụng để mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại Lù Văn D đã xác nhận thời gian mất, đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt và tài sản cơ quan Điều tra đã thu lại được và phù hợp với lời khai của anh Quảng Văn T là người đã nhận cầm cố chiếc xe, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả nhận dạng bị cáo của Lò Văn T2 và Lò Thị D, Kết luận định giá tài sản, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng ... Như vậy có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã lợi dụng lúc chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã lén lút lấy 01 chiếc xe mô tô và mang đi cầm cố lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, giá trị chiếc mô tô bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 3.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, VKSND huyện TC truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, xuất thân từ gia đình làm nông nghiệp, được học văn hóa đến hết lớp 4/12. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo các điểm h,p khoản 1 Điều 46 của BLHS cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 48 của BLHS.

Xét tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu đang ngày càng có chiều hướng gia tăng, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, mặt khác bị cáo là người có sử dụng chất ma túy nên không phải là người có nhân thân tốt, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện ở việc vợ bị cáo đang phải chấp hành án tù được hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản; do đó HĐXX thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, do đó đề nghị của người bào chữa áp dụng điều 47 và điều 60 của BLHS đối với bị cáo Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập thường xuyên, gia đình thuộc hộ nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Bồi thường dân sự: Trong quá trình Điều tra người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì. Do đó HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu KAISER, màu sơn đen, số khung 007493, số máy 007493, biển kiểm soát 27F8-7523, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Lù Văn D nên cần trả lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe cho chủ sở hữu hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có Điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo nên cần miễn toàn bộ án

phí cho Bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên !

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Quảng Văn Tr phạm tội: Trộm cắp tài sản

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h,p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Quảng Văn Tr **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của BLHS năm 1999; điểm b khoản 3 điều 106 của BLTTHS năm 2015:

Trả lại cho anh Lù Văn D: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu KAISER, màu sơn đen, số khung 007493, số máy 007493, biển kiểm soát 27F8-7523 và 01 đăng ký mô tô xe máy mang tên Nguyễn Xuân N.

Các vật chứng nêu trên cơ quan thi hành án dân sự huyện TC đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2017 giữa cơ quan Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự.

3. Án phí : Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/01/2018). Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- CQTHAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Sở Tư Pháp tỉnh;
- THADS huyện;
- Bị cáo, NBC;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn